

phẩm chất Ban quản lý điều hành, và các thông tin khác trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Nộp các khoản chi phí về in ấn cổ phiếu, phí cấp giấy phép, phí đại lý phát hành và lưu giữ cổ phiếu do Bộ Tài chính quy định.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN

Điều 28. - Bộ Tài chính có trách nhiệm:

- Phối hợp với các Bộ, ngành quản lý sản xuất - kinh doanh và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xét chọn những doanh nghiệp Nhà nước có đủ điều kiện được phát hành trái phiếu, cổ phiếu và cấp giấy phép phát hành trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp Nhà nước;

- Quy định hình thức, thủ tục phát hành trái phiếu, cổ phiếu;

- Quy định nội dung và kiểm tra tính chân thực các thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu, cổ phiếu;

- Giám sát quá trình phát hành, sử dụng vốn và thanh toán trái phiếu;

- Kiểm tra, giám sát việc phân chia lợi tức cổ phần và thanh toán lãi cổ phiếu;

- Quản lý việc in trái phiếu, cổ phiếu;

- Quy định mức phí đại lý phát hành (Điều 7), phí bảo quản trái phiếu, cổ phiếu (Điều 14), và quy định chi phí phát hành, thanh toán trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp Nhà nước;

- Đình chỉ phát hành trái phiếu, cổ phiếu đối với những doanh nghiệp vi phạm Quy chế này;

- Xem xét cho các doanh nghiệp được gia hạn phát hành trái phiếu, cổ phiếu;

- Thẩm tra việc bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp Nhà nước;

- Thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố lãi suất trái phiếu doanh nghiệp Nhà nước.

Điều 29. - Cơ quan quản lý Nhà nước trực tiếp của doanh nghiệp có trách nhiệm:

- Thẩm tra và quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định dự án đầu tư sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước;

- Duyệt phương án phát hành trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp Nhà nước gửi Bộ Tài chính;

- Giám sát việc phát hành và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả;

- Kiểm tra, giám sát việc thu hồi vốn và thanh toán trái phiếu đến hạn; phân chia lợi tức cổ phiếu;

- Tham gia với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước tổng kết rút kinh nghiệm việc thử nghiệm phát hành trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp Nhà nước.

Điều 30. - Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm:

- Hướng dẫn các Ngân hàng Thương mại, Công ty tài chính thực hiện nghiệp vụ đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu;

- Quy định việc mua trái phiếu, cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại, Công ty tài chính;

- Các quy định về thế chấp, cầm cố trái phiếu, cổ phiếu trong quan hệ tín dụng.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 174-CP ngày 29-9-1994 về quy định cơ cấu thành viên Ủy ban Nhân dân và số Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Điều 47 của Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Nay quy định cơ cấu thành viên Ủy ban Nhân dân và số Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân như sau:

A. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh gồm có 1 Chủ tịch, 4 Phó Chủ tịch, 8 Ủy viên. Các thành viên được phân công phụ trách các lĩnh vực công việc như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân phụ trách chung; nội chính; quy hoạch; thiết kế đô thị (có Kiến trúc sư trưởng trực tiếp giúp việc quy hoạch và thiết kế đô thị).
2. Một Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế, tài chính, thương mại, kinh tế đối ngoại, hợp tác đầu tư.
3. Một Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế - xã hội ngoại thành.
4. Một Phó Chủ tịch phụ trách văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục, thể dục thể thao và các lĩnh vực xã hội khác.
5. Một Phó Chủ tịch phụ trách xây dựng, công nghiệp; giao thông vận tải, khoa học kỹ thuật, công trình đô thị, nhà đất.
6. Một Ủy viên phụ trách công an.
7. Một Ủy viên phụ trách quân sự.
8. Một Ủy viên phụ trách tổ chức.
9. Một Ủy viên phụ trách thanh tra.
10. Một Ủy viên phụ trách kế hoạch.
11. Một Ủy viên phụ trách tài chính.
12. Một Ủy viên phụ trách lao động, thương binh và xã hội.
13. Một Ủy viên phụ trách Văn phòng.

B. Ủy ban Nhân dân các tỉnh và thành phố Hải Phòng gồm có 1 Chủ tịch, 3 Phó Chủ tịch, 5 Ủy viên. Các thành viên được phân công phụ trách các lĩnh vực công việc như sau:

1. Chủ tịch phụ trách chung, nội chính, quy hoạch đô thị và nông thôn.
2. Một Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế, tài chính, thương mại và kinh tế đối ngoại.
3. Một Phó Chủ tịch phụ trách văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục, thể dục thể thao và các lĩnh vực xã hội khác.

4. Một Phó Chủ tịch phụ trách sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, khoa học kỹ thuật và tài nguyên, môi trường.

5. Một Ủy viên phụ trách công an.
6. Một Ủy viên phụ trách quân sự.
7. Một Ủy viên phụ trách tổ chức.
8. Một Ủy viên phụ trách tài chính hoặc kế hoạch.
9. Một Ủy viên phụ trách Văn phòng.

Riêng những tỉnh có từ 1,5 triệu dân trở lên có thể bố trí thêm số thành viên vào những lĩnh vực như thanh tra, lao động - thương binh xã hội... nhưng tổng số không quá 11 thành viên Ủy ban Nhân dân.

C. Ủy ban Nhân dân huyện gồm có 1 Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch, 6 Ủy viên. Các thành viên được phân công phụ trách các lĩnh vực công việc như sau:

1. Chủ tịch phụ trách chung, nội chính.
2. Một Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế, kế hoạch, tài chính, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, quy hoạch xây dựng nông thôn.
3. Một Phó Chủ tịch phụ trách văn hóa - xã hội.
4. Một Ủy viên phụ trách công an.
5. Một Ủy viên phụ trách quân sự.
6. Một Ủy viên phụ trách tổ chức.
7. Một Ủy viên phụ trách thanh tra.
8. Một Ủy viên phụ trách đất đai.
9. Một Ủy viên phụ trách Văn phòng.

Riêng những huyện có dưới 10 vạn dân được bố trí 7 thành viên Ủy ban Nhân dân. Dựa vào các lĩnh vực công tác nói trên mà phân công phụ trách các lĩnh vực công tác cho mỗi thành viên để phù hợp với số lượng 7 thành viên của Ủy ban Nhân dân.

D. Ủy ban Nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gồm 1 Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch và 6 Ủy viên và được phân công như sau:

1. Chủ tịch phụ trách chung, nội chính, quy hoạch đô thị.
2. Một Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế.
3. Một Phó Chủ tịch phụ trách văn hóa - xã hội.
4. Một Ủy viên phụ trách công an.

5. Một Ủy viên phụ trách quân sự.
6. Một Ủy viên phụ trách tổ chức.
7. Một Ủy viên phụ trách thanh tra.
8. Một Ủy viên phụ trách tài chính.
9. Một Ủy viên phụ trách Văn phòng.

Riêng những quận, thành phố thuộc tỉnh, nếu có nhu cầu thật cần thiết có thể bố trí 3 Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân để phụ trách ba lĩnh vực: kinh tế; văn hóa - xã hội; đô thị. Việc bố trí 3 Phó Chủ tịch nói trên do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Ở những quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có dưới 10 vạn dân có thể bố trí 7 thành viên Ủy ban Nhân dân. Dựa vào các lĩnh vực công tác nói trên mà phân công phụ trách các lĩnh vực công tác cho từng thành viên trong số 7 thành viên cho phù hợp.

E. Ủy ban Nhân dân xã, thị trấn gồm có 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 5 Ủy viên. Các thành viên được phân công phụ trách từng lĩnh vực như sau:

1. Chủ tịch phụ trách chung, kinh tế và đất đai.
2. Một Phó Chủ tịch phụ trách nội chính, Trưởng công an.
3. Một Ủy viên phụ trách quân sự.
4. Một Ủy viên phụ trách tài chính.
5. Một Ủy viên phụ trách văn hóa - xã hội, thông tin.
6. Một Ủy viên phụ trách giao thông, thủy lợi.
7. Một Ủy viên phụ trách Văn phòng.

Ở những xã có dưới 3.000 dân và địa hình ít phức tạp, có thể bố trí 5 thành viên Ủy ban Nhân dân. Việc phân công phụ trách lĩnh vực công tác cho từng thành viên trong 5 thành viên này dựa vào lĩnh vực công tác trên và theo tình hình thực tế của địa phương mà quy định.

G. Ủy ban Nhân dân phường gồm có 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 5 Ủy viên, được phân công cụ thể như sau:

1. Chủ tịch phụ trách chung, nội chính, an ninh, đô thị.
2. Một Phó Chủ tịch phụ trách văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục, thể dục thể thao.

3. Một Ủy viên phụ trách công an.
4. Một Ủy viên phụ trách quân sự.
5. Một Ủy viên phụ trách tài chính.
6. Một Ủy viên phụ trách nhà đất.
7. Một Ủy viên phụ trách lao động, thương binh và xã hội.

Điều 2. - Những quy định tại các Điểm A, B, C, D, E, G được áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước, cần cố gắng bố trí một tỷ lệ cán bộ nữ và dân tộc có đủ tiêu chuẩn vào Ủy ban Nhân dân các cấp.

Trong quá trình thực hiện Nghị định này có gì vướng mắc thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải quyết.

Điều 3. - Giao Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 4. - Nghị định này được thi hành để bố trí cơ cấu thành viên Ủy ban Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994 - 1999. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 176-CP ngày 20-10-1994 về việc thi hành Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;